

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 178/2025/DS-PT

Ngày: 23 - 4 - 2025

V/v: “Kiện đòi tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hà

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh

Ông Nguyễn Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk: Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc: “Kiện đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 348/2024/DSST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 159/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn M, bà Lữ Thị N

Đại diện theo ủy quyền của bà Lữ Thị N: Ông Nguyễn Văn M (có mặt).

Địa chỉ: 116 LTT, Tp. BMT, tỉnh Đăk Lăk.

***Bị đơn:** Ông Đào Ngọc A, bà Nguyễn Thị Thanh B (ông A có mặt, bà B vắng mặt).

Địa chỉ: 16A PH, phường ET, Tp. BMT, tỉnh Đăk Lăk.

Nơi ở hiện nay: 40 SB. P. ET, Tp. BMT, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn, đồng thời là đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn M trình bày:**

Vào ngày 30/7/2015 vợ chồng ông Đào Ngọc A và bà Nguyễn Thanh B có vay của vợ chồng tôi số tiền 1.439.211.050 đồng, có lập giấy nhận nợ đề cùng ngày. Theo thỏa thuận tại giấy nhận nợ ngày 30/7/2015 thì thời hạn vay từ ngày 30/7/2015 đến ngày 30/10/2015 vợ chồng ông A có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng tôi 50% giá trị khoản vay tương ứng 719.605.525 đồng và 50% giá trị khoản vay còn lại phải thanh toán trước ngày 30/3/2016. Tuy nhiên đến nay vợ chồng ông A vẫn chưa thanh toán cho vợ chồng tôi bất kỳ khoản tiền

nào.

Tôi xác nhận đối với khoản nợ này là khoản nợ riêng của vợ chồng ông Đào Ngọc A, không liên quan đến công việc hay người nào khác.

Nay chúng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đào Ngọc A có trách nhiệm trả cho vợ chồng tôi số tiền 1.439.211.050 đồng.

*** Bị đơn ông Đào Ngọc A trình bày:**

Theo giấy nhận nợ ngày 0/7/2015 tôi và bà Nguyễn Thị Thanh B có ký giấy xác định nhận nợ với số tiền 1.439.211.050 đồng. Tuy nhiên giấy nhận nợ là để phân chia tài sản khi bán được mỏ đá giữa hai Công ty BN và Công ty cổ phần HT. Giấy này không phải là giấy nhận nợ riêng của tôi và bà B. Tôi không hề nhận tiền trực tiếp của vợ chồng ông M, hay nhận tiền dưới bất kỳ hình thức chuyển khoản nào. Đối với bà Nguyễn Thị Thanh B không liên quan và không biết sự việc này, bà B chỉ ký vào giấy. Vì vậy việc vợ chồng ông M khởi kiện vợ chồng chúng tôi là không có căn cứ, tôi đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M bà N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 348/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 207; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 163; Điều 164; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và bà Lữ Thị N.

Buộc ông Đào Ngọc A, bà Nguyễn Thị Thanh B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn M và bà Lữ Thị Nhung toàn bộ số tiền 1.439.211.050 đồng theo giấy nhận nợ ngày 30/7/2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, chi phí tố tụng, về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2024 bị đơn ông Đào Ngọc A kháng cáo bản án sơ thẩm số 348/2025/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Aột, tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phát sinh nội dung mới, cấp sơ thẩm chưa làm rõ nội dung khoản tiền trong giấy xác nhận nợ là khoản nợ cá nhân hay vốn góp doanh nghiệp. Do đó, Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 348/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk để về giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đào Ngọc A là trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Đào Ngọc A, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện vào ngày 30/7/2015 vợ chồng ông Đào Ngọc A xác nhận có nợ của vợ chồng ông Nguyễn Văn M số tiền 1.439.211.050 đồng, đồng thời các bên có lập giấy nhận nợ ghi ngày 30/7/2015. Theo thỏa thuận tại giấy nhận nợ ngày 30/7/2015 thì thời hạn vay từ ngày 30/7/2015 đến ngày 30/10/2015 vợ chồng ông A có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông M 50% giá trị khoản vay tương ứng 719.605.525 đồng và 50% giá trị khoản vay còn lại phải thanh toán trước ngày 30/3/2016. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng ông A vẫn chưa thanh toán cho vợ chồng ông M bất kỳ khoản tiền nào nên ông vợ chồng ông M làm đơn khởi kiện.

Tại cấp phúc thẩm ông M thừa nhận số tiền 1.439.211.050 đồng xuất phát từ việc góp vốn làm ăn trước kia giữa hai công ty. Sau khi ông M bà N yêu cầu ông A trả lại khoản tiền vốn góp thì vợ chồng ông A soạn thảo giấy nhận nợ chuyển từ tiền góp vốn sang tiền vay với tư cách cá nhân. Theo đó, vợ chồng ông A xác nhận có nợ của vợ chồng ông M 1.439.211.050 đồng và hẹn thời gian thanh toán. Ông A cũng thừa nhận vợ chồng ông có viết giấy xác nhận có nợ của vợ chồng ông M số tiền 1.439.211.050 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định đây là khoản xác nhận nợ giữa vợ chồng ông A với vợ chồng ông M.

Tại điều 4 giấy nhận nợ thỏa thuận từ ngày 30/7/2015 đến ngày 30/10/2015 vợ chồng ông A có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông M 50% giá trị khoản vay tương ứng 719.605.525 đồng và 50% giá trị khoản

vay còn lại phải thanh toán trước ngày 30/3/2016. Hết hạn nếu vợ chồng ông A không thanh toán thì khoản tiền đó được tính vào khoản góp vốn vào kinh doanh của bên A (ông M, bà N) tại thời điểm. Tuy nhiên, ông M trình bày sau khi hợp tác kinh doanh với vợ chồng ông A thì vợ chồng ông M đã ngừng kinh doanh cho đến nay. Ông A cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh sau khi hết thời hạn thanh toán theo giấy nhận nợ ông M đã chuyển tiền nợ thành góp vốn kinh doanh của vợ chồng ông M.

Như vậy, từ khi xác nhận nợ đến nay vợ chồng ông A chưa thanh toán nợ cho vợ chồng ông M là vi phạm cam kết. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng ông M, buộc vợ chồng ông A phải thanh toán cho vợ chồng ông M 1.439.211.050 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và đảm bảo lẽ công bằng. Xét kháng cáo của ông A không có cơ sở để chấp nhận nên cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 348/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2.3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đào Ngọc A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0013878 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BMT.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Ngọc A – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 348/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đào Ngọc A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0013878 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BMT.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Aột;
- Chi cục THADS thành phố BMT;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Bùi Quốc Hà

